

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 37/2021/HC-GĐT

Ngày 16/11/2021

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Hưng;

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Thuân;

- Ông Trần Văn Cò;

- Ông Trần Hồng Hà;

- Ông Nguyễn Biên Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Xuân - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 16/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Hoàng Quốc D, sinh năm 1933; cư trú tại: Số 2600 Corde Terra Cir 2116 San jose CA.95111 USA; tạm trú số 167 TBT, khu 3, phường PT, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

1.2. Bà Nguyễn Thị Bạch Y, sinh năm 1940;

Cư trú tại số 167 TBT, khu 3, phường PT, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Tạ Thanh P, sinh năm 1973 là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền số công chứng 023296 ngày 25/6/2012 của ông Hoàng Quốc D, bà Nguyễn Thị Bạch Y).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: Số 01 QT, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Bùi Minh T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TDM là người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết

định số 3152/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TDM).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Hoàng Minh K, sinh năm 1952;

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956;

Cùng cư trú tại: Số 173, tổ 27, khu phố 3, phường PT, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 20/7/1977, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Sông B ban hành Giấy phép số 314/UB-SB cho phép ông Hoàng Quốc D được xây dựng một xưởng sửa chữa cơ giới tại tỉnh Sông B có tên là “*Xưởng sửa chữa cơ giới Sông B. Xưởng này do Ty giao thông vận tải quản lý, giám định kỹ thuật và tổ chức ký kết hợp đồng sửa chữa. Ủy ban nhân dân Tỉnh cấp cho Xưởng khu vực đất rộng 1 ha tọa lạc tại GD (xã PT, thị xã TDM) để xây dựng mặt bằng xưởng và hỗ trợ theo khả năng của Tỉnh một số nguyên vật liệu sửa chữa nhà cửa hiện có để sử dụng. Cho phép xưởng lập ra Ban chủ nhiệm gồm các ông: Hoàng Quốc D: Chủ nhiệm...*”.

Do ông D bị bắt giam trong vụ án hình sự nên ngày 03/02/1978 UBND tỉnh Sông B đã ban hành Quyết định số 44/QĐ-UB đình chỉ hoạt động Xưởng sửa chữa cơ giới tư nhân Hoàng Quốc D và Quyết định số 318/QĐ-UB ngày 08/6/1978 có nội dung: “*Điều 1: Nay giao cho Ty giao thông vận tải trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản đưa vào phục vụ sản xuất và sửa chữa Xưởng sửa chữa cơ giới tư nhân tại xã PT, thị xã TDM, Hoàng Quốc D và chủ xưởng đang bị cảnh sát Ty Công an giam giữ. Điều 2: Ty tài chính chủ trì cùng với .. tổ chức kiểm kê, đánh giá toàn bộ tài sản hiện có ở xưởng, lập thủ tục bàn giao vốn và thi hành các thủ tục quản lý tài sản nhà nước cho Ty giao thông vận tải*”. Ngày 24/6/1978, Ty Công an Sông B tiến hành lập Biên bản số 86 bàn giao tài sản gồm nhà, nhiên vật liệu, các loại xe và phụ tùng của Xưởng sửa chữa cơ giới tư nhân Hoàng Quốc D cho Ty Giao thông vận tải tỉnh Sông B quản lý.

Ngày 02/8/1978, ông D bị kết tội mua bán trái phép xe do Nhà nước quản lý. Ngày 02/02/1985, ông D được trả tự do, nhưng bị quản thúc; hết thời gian bị quản thúc, ông D có đơn khiếu nại yêu cầu trả lại tài sản. Ngày 08/7/1985, ông D nộp lệ phí đo đạc, kê khai đăng ký đất và được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã PT cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất số 566/ĐKRĐ ngày 08/7/1985 có nội dung: “*Hội đồng đăng ký ruộng đất xã PT đã nhận đơn đăng ký ruộng đất của ông Hoàng Quốc D thửa ruộng số 211, Tờ bản đồ số 01, Tổng diện tích 10.000 m². Hội đồng đăng ký ruộng đất sẽ xem xét và đề nghị UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hoàng Quốc D*”. Để xem xét đơn khiếu nại yêu cầu trả lại tài sản của ông D, ngày 27/10/1990, Hội đồng xét khiếu tố của UBND tỉnh Sông B đã họp và thống nhất: “*Giao cho Chi cục quản lý đất đai và Sở xây dựng cùng phối hợp đo đạc, điều tra việc cấp đất cho Xưởng sửa chữa cơ giới ở GD*

năm 1978. Đề xuất việc cấp đất hoặc thu hồi đất của các hộ đã làm nhà ở Xưởng này”.

Ngày 12/11/1991, UBND tỉnh Sông B ban hành Quyết định số 421/QĐ-UB với nội dung:

“Điều 1: Nay trả lại số tài sản đã được Đoàn Thanh tra của tỉnh xác minh đúng là tài sản của ông Hoàng Quốc D...

Điều 2:

- Xí nghiệp vận tải ô tô có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tài sản theo Biên bản kiểm kê ngày 18/7/1989.

- Đối với số vật tư - tài sản mà Xí nghiệp vận tải ô tô đã sử dụng, phía Xí nghiệp có trách nhiệm bàn bạc trên cơ sở thỏa thuận với chủ cũ để trả bằng hiện vật hoặc bằng tiền theo giá Nhà nước hiện hành;

- Đối với tài sản còn lại theo Biên bản số 86 ngày 24/6/1978 (có nhà cửa) thì giao Giám đốc Sở giao thông vận tải, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước tỉnh Sông B, Chánh thanh tra tỉnh cùng phối hợp làm rõ...báo cáo về UBND tỉnh để xử lý tiếp”.

Thực hiện Quyết định số 421/QĐ-UB nêu trên, ngày 26 và ngày 27/11/1991, Xí nghiệp vận tải ô tô bàn giao các tài sản (gồm vật liệu và phần phụ tùng vật tư) theo Biên bản kiểm kê ngày 18/7/1989 cho ông D, riêng các ngôi nhà và đất thì trong hồ sơ vụ án không có tài liệu nào thể hiện có việc bàn giao.

Năm 1994, ông D định cư tại Hoa Kỳ; bà Nguyễn Thị Bạch Y (vợ ông D) đứng ra kê khai, làm thủ tục đăng ký và được UBND thị xã TDM, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ) cho bà Y ngày 21/3/1998 đối với thửa đất số 211B1, Tờ bản đồ số 1, diện tích 3.986 m² đất (nằm trong thửa 01 ha của thửa đất UBND tỉnh Sông B cấp cho Xưởng sửa chữa cơ giới Sông B), loại đất trồng cây lâu năm tại phường PT, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

Bà L, ông K làm việc ở Ty Giao thông vận tải tỉnh Sông B vào ở nhà của Xưởng sửa chữa cơ giới Sông B từ năm 1978 (lúc này do Ty Giao thông vận tải tỉnh Sông B quản lý).

Ngày 12/4/1997, bà L được Giám đốc Sở xây dựng tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 12198/CNSH đối với nhà có diện tích 63m² tại số 19/24, tổ 24, khu 3, xã PT.

Sau đó, ngày 19/11/2001, bà L, ông K được Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương cấp Quyết định hợp thức hóa số 953/QĐ-CT và cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ và QSH nhà) số 849/GCN/2001 ngày 19/11/2001 cho sử dụng diện tích 46,06 m² nhà ở trên diện tích 300 m² đất ở tại số 19/24 nêu trên.

Trên cơ sở Đơn xin hợp thức đất nông nghiệp ngày 05/01/2002, Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 15/01/2002 (đều có xác nhận của UBND phường PT về nguồn gốc đất của bà L là đất công khai phá từ năm 1977 sử dụng đến nay không tranh chấp) và Biên bản kiểm tra địa chính và khảo sát hiện trạng diện tích

sử dụng đất ngày 25/02/2002, cùng ngày 21/3/2002, UBND thị xã (nay là thành phố) TDM ban hành Quyết định số 1250/QĐ-UBND kèm Giấy CNQSDĐ số vào sổ 00055 QSDĐ/H giao cho hộ bà L được quyền sử dụng 689 m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 05 (150), Tờ bản đồ số 34 tại khu 3, phường PT, thị xã TDM, tỉnh Bình Dương.

Ngày 14/7/2008, bà L được Chủ tịch UBND thị xã (nay là thành phố) TDM cấp Giấy phép xây dựng số 455/GPXD cho phép xây dựng nhà 02 tầng trên phần đất ở đã được cấp.

Ngày 02/8/2008, trên cơ sở hợp thửa từ hai Giấy CNQSDĐ nêu trên, UBND thị xã TDM cấp Giấy CNQSDĐ số H41994 cho ông K, bà L được sử dụng 1.045,3 m² đất tại thửa số 290, Tờ bản đồ số 34.

Sau khi thi công xong nhà ở 02 tầng, ngày 23/5/2011, bà L được UBND thị xã TDM cấp Giấy CNQSDĐ ở và QSH nhà ở và các tài sản gắn liền với đất số CH01015, số bìa BĐ 976948 số thửa 290, Tờ bản đồ số 34 diện tích 1.045,3 m² tại phường PT, thị xã TDM, tỉnh Bình Dương (nằm trong thửa 01 ha của thửa đất UBND tỉnh Sông B cấp cho Xưởng sửa chữa cơ giới Sông B).

Ngày 06/12/2013, tháng 02/2014, ông D, bà Y có Đơn khởi kiện và ngày 07/9/2015 có Đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu: Hủy Quyết định số 953/QĐ-CT ngày 19/11/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương và Giấy CNQSH nhà ở và QSD đất ở số 849/GCN/2001 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho bà L ngày 19/11/2001; hủy Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 21/3/2002 và Giấy CNQSDĐ số 00055 QSDĐ/H ngày 21/3/2002 do UBND thị xã TDM cấp cho hộ bà L; hủy Giấy CNQSDĐ số AN 317797 (số vào sổ H41994) do UBND thị xã (nay là thành phố) TDM cấp cho bà L ngày 02/8/2008; hủy Giấy CNQSDĐ ở và QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 976948 (số vào sổ CH 01015) do UBND thị xã TDM cấp cho bà L ngày 23/5/2011; và yêu cầu UBND thị xã (nay là thành phố) TDM thu hồi toàn bộ diện tích đất đã cấp cho vợ chồng bà L và trả lại toàn bộ diện tích đất đó cùng giá trị 03 căn nhà cho ông D, bà Y.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện là UBND thành phố TDM trình bày: Việc cấp GCNQSDĐ số 00055 QSDĐ/H ngày 21/3/2002, GCNQSDĐ số H41994 ngày 02/8/2008, GCNQSDĐ, QSH nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH 01015 (số bìa BĐ 976948) ngày 23/5/2011 là đúng quy định của Luật Đất đai năm 1993, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 1998 và 2001, Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ. Thời điểm năm 2009, ông D đã biết Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 21/3/2002, GCNQSDĐ số 00055 QSDĐ/H ngày 21/3/2002, GCNQSDĐ số H41994 ngày 02/8/2008 nhưng đến năm 2014 mới khởi kiện đối với quyết định và các GCNQSDĐ nêu trên là đã hết thời hiệu theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 104 Luật tố tụng hành chính nên UBND thành phố TDM đề nghị Tòa án trả lại đơn khởi kiện hoặc bác yêu cầu khởi kiện của ông D, bà Y.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 13/01/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Quốc D, bà Nguyễn Thị Bạch Y đối với yêu cầu: Hủy Quyết định số 953/QĐ-CT ngày 19/11/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc hợp thức hóa và cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bà Nguyễn Thị L và hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở vào sổ số 849/GCN/2001 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp cho bà Nguyễn Thị L do thời hiệu khởi kiện đã hết;

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y đối với yêu cầu: Hủy Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 21/3/2002 của Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) TDM về việc giao đất cho hộ bà Nguyễn Thị L; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00055 QSDĐ/H cấp ngày 21/3/2002 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) TDM cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 41994 ngày 02/8/2008 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) TDM cấp cho bà Nguyễn Thị L; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất số bìa BĐ 976948, số vào sổ CH 01015 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) TDM cấp cho bà Nguyễn Thị L ngày 23/5/2011 và yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố TDM thu hồi toàn bộ diện tích đất đã cấp cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L để cấp cho vợ chồng ông Hoàng Quốc D được quyền sử dụng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 17/01/2017, ông D, bà Y kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 481/2018/HC-PT ngày 21/11/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HCST ngày 13/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương:

2.1. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với một phần đơn khởi kiện của ông Hoàng Quốc D, bà Nguyễn Thị Bạch Y yêu cầu hủy Quyết định số 953/QĐ-CT ngày 19/11/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc hợp thức hóa và cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở cho bà Nguyễn Thị L và hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở sổ vào sổ 849/GCN/2001 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp cho bà Nguyễn Thị L ngày 19/11/2001 do thời hiệu khởi kiện đã hết.

2.2. Bác một phần đơn khởi kiện của ông Hoàng Quốc D, bà Nguyễn Thị Bạch Y đối với các yêu cầu: Hủy Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 21/3/2002 của Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) TDM về việc giao đất cho hộ bà Nguyễn Thị L; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00055 QSDĐ/H ngày 21/3/2002 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) TDM cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H41994 của Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) TDM cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L ngày 02/8/2008 do các quyết định, giấy chứng nhận này đã bị thu hồi, không còn hiệu lực;

2.3. *Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Hoàng Quốc Dũng, bà Nguyễn Thị Bạch Y.*

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất số bìa BĐ 976948, số vào sổ CH 01015 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) TDM cấp cho bà Nguyễn Thị L ngày 23/5/2011.

3. *Hủy một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 13/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với khởi kiện của ông Hoàng Quốc D, bà Nguyễn Thị Bạch Y yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố TDM thu hồi toàn bộ diện tích đất đã cấp cho vợ chồng bà L để cấp cho vợ chồng ông D được quyền sử dụng.*

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, án phí hành chính phúc thẩm.

Ngày 15/01/2019, bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Minh K có đơn đề nghị xem xét Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 30/2021/KN-HC ngày 06/8/2021, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 481/2018/HC-PT ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 481/2018/HC-PT ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 13/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xem xét những yêu cầu khởi kiện của ông D, bà Y thì thấy: Ngày 20/7/1977, UBND tỉnh Sông B cấp 01 ha đất tại GĐ, xã PT, thị xã TDM, tỉnh Sông B (nay là phường PT, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương) cho Xưởng sửa chữa cơ giới Sông B do ông D làm Chủ nhiệm, chứ không phải cấp đất riêng cho cá nhân ông D; UBND tỉnh có hỗ trợ nguyên vật liệu để sửa chữa nhà cửa. Đầu năm 1978, khi ông D bị bắt thì ngày 03/02/1978, UBND tỉnh Sông B quyết định đình chỉ hoạt động của Xưởng sửa chữa cơ giới Sông B, quyết định quản lý tài sản và giao cho Ty Giao thông vận tải tỉnh Sông B quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản đưa vào phục vụ sản xuất và sửa chữa xưởng sửa chữa cơ giới.

[2] Sau khi được trả tự do, năm 1985, ông D có đơn khiếu nại đòi lại tài sản, nộp lệ phí đo đạc, kê khai đăng ký đất và ngày 08/7/1985, Hội đồng đăng ký ruộng đất xã PT mới chỉ làm thủ tục nhận đơn của ông D đề Hội đồng đăng ký ruộng đất xem xét và đề nghị UBND tỉnh cấp Giấy CNQSDĐ cho ông D. Theo Biên bản họp Hội đồng xét khiếu tố ngày 27/10/1990 thì tài sản của Xưởng sửa

chữa cơ giới sẽ được UBND tỉnh Sông B xem xét trên cơ sở điều tra, báo cáo và đề xuất của Ngân hàng nhà nước tỉnh, Thanh tra, Chi cục quản lý đất đai và Sở xây dựng; sau đó, UBND tỉnh Sông B đã có Quyết định số 421/QĐ-UB trả lại tài sản cho ông D; trong các văn bản của UBND tỉnh Sông B hoàn toàn không có nội dung trả lại diện tích đất cho Xưởng sửa chữa xe cơ giới Sông B hay cho cá nhân ông D; việc ông D cho rằng Thanh tra tỉnh Sông B có Công văn số 79/CV.TTr ngày 05/8/1992 thống nhất với Xí nghiệp vận tải ô tô sẽ “*tiếp tục thực hiện theo tinh thần ý thứ (2) trong điều (II) của quyết định 421/QĐUB...*” để cho rằng ông được trả lại 01 ha đất là không có căn cứ, bởi cũng tại Công văn số 79/CV.TTr nêu trên ý thứ 2 trong điều (II) của Quyết định số 421 được giải thích “*ý này đề cập đến những tài sản, vật tư xí nghiệp đã nhận, đang sử dụng thì bàn bạc với ông để trả lại bằng tiền hay hiện vật*”. Thực tế, ngày 21/3/1998, bà Y chỉ được công nhận quyền sử dụng 3.986 m² đất trong thửa 01 ha cấp cho Xưởng sửa chữa cơ giới Sông B (diện tích còn lại không được công nhận).

[3] Bà L, ông K sử dụng đất ổn định, liên tục và đã thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước từ năm 1978, nên từ ngày 12/4/1997 đến ngày 23/5/2011, nhiều lần các cơ quan và người có thẩm quyền của tỉnh Bình Dương đã quyết định và cấp Giấy CNQSDĐ ở, QSH nhà ở cho gia đình bà L là đúng quy định của Luật Đất đai năm 1993 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 1998 và năm 2001), Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng UBND thị xã (nay là thành phố) TDM ban hành các quyết định và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho bà L là đúng pháp luật; việc ông D, bà Y cho rằng đất cấp cho bà L có nguồn gốc là của vợ chồng ông D được UBND tỉnh Sông B giao trả theo Quyết định 421 nêu trên là không đúng; tại phiên tòa sơ thẩm, ông D, bà Y không xuất trình được chứng cứ mới chứng minh nguồn gốc 1.045,3 m² đất bà L được cấp Giấy CNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 23/5/2011 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông D, bà Y; từ đó quyết định bác các yêu cầu khởi kiện của ông D, bà Y về việc hủy Quyết định số 1250/QĐ-UB và Giấy CNQSDĐ số vào sổ 00055 QSD/H cùng ngày 21/3/2002; hủy Giấy CNQSDĐ số AN 317797 (số vào sổ H 41994) ngày 02/8/2008; hủy Giấy CNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số BĐ 976948 (số vào sổ CH 01015) ngày 23/5/2011 do UBND thị xã (nay là thành phố) TDM cấp cho bà L và bác yêu cầu UBND thành phố TDM thu hồi toàn bộ diện tích đất đã cấp cho vợ chồng bà L để cấp cho ông D là có căn cứ.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định số 953/QĐ-CT ngày 19/11/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương và Giấy CNQSDĐ ở, QSH nhà ở số 849/GCN/2001 ngày 19/11/2001 của UBND tỉnh Bình Dương cấp cho bà L, ông K đã hết và các văn bản này đã bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi; từ đó, quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông D, bà Y đối với yêu cầu hủy Quyết định số 953/QĐ-CT và Giấy CNQSH nhà ở và QSD đất ở số 849/GCN/2001 nêu trên vì thời hiệu khởi kiện đã hết là không đúng; bởi vì, theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 thì Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp đối với tất cả các

quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện mà không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện. Tòa án cấp phúc thẩm không phát hiện ra sai lầm này của Tòa án cấp sơ thẩm nên đã quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần này là không đúng.

Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tính hợp pháp của Giấy CNQSH nhà số 12198/CNSH ngày 12/4/1997 do Giám đốc Sở xây dựng tỉnh Bình Dương cấp cho bà L đối với nhà ở có diện tích 63 m² tại số 19/24 đường TBT là sai lầm nghiêm trọng. Tòa án cấp phúc thẩm cũng không xem xét là sai.

[6] Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng Quyết định số 953/QĐ-CT ngày 19/11/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương và Giấy CNQSH nhà ở, QSD đất ở số 849/GCN/2001 ngày 19/11/2001 của UBND tỉnh Bình Dương cấp cho bà L; Quyết định số 1250/QĐ-UB và Giấy CNQSDĐ số AN 317797 (số vào sổ H 41994) ngày 02/8/2008 đều của UBND thị xã TDM cấp cho bà L đã bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi nên không còn hiệu lực là không đúng, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm vẫn áp dụng khoản 1 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015 để xem xét tính hợp pháp đối với tất cả các quyết định hành chính này vì có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện (Giấy CNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số BĐ 976948, số vào sổ CH 01015 ngày 23/5/2011) mà không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện là đúng, vì các quyết định hành chính này liên quan đến nhau nên khi Tòa án hủy quyết định hành chính sau thì quyết định hành chính trước sẽ đương nhiên có hiệu lực. Mặc dù vậy, tại phần quyết định, Tòa án cấp phúc thẩm vẫn quyết định bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông D, bà Y đối với các yêu cầu hủy Quyết định số 1250/QĐ-UB và Giấy CNQSDĐ số vào sổ 00055 QSDĐ/H cùng ngày 21/3/2002; hủy Giấy CNQSDĐ số AN 317797 (số vào sổ H 41994) ngày 02/8/2008 đều của UBND thị xã TDM cấp cho bà L do các quyết định, giấy chứng nhận này đã bị thu hồi, không còn hiệu lực là không đúng.

[7] Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng 1.045,3 m² đất bà L đang quản lý, sử dụng nằm trong 01 ha đất do UBND tỉnh Sông B cấp cho Xưởng sửa chữa cơ giới (do ông D làm Chủ nhiệm), ông D đã kê khai, đăng ký và được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã PT cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký; phần đất này đang có tranh chấp do có đơn của bà Y nhưng chưa được giải quyết và không có quyết định thu hồi đất đối với Xưởng sửa chữa cơ giới mà đã giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L là trái pháp luật; từ đó, chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông D, bà Y hủy Giấy CNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 976948 (số vào sổ CH 01015) do UBND thị xã TDM cấp cho bà L ngày 23/5/2011 là không đúng như phân tích nêu trên.

[8] Tòa án cấp phúc thẩm còn cho rằng ông D, bà Y khởi kiện yêu cầu UBND thành phố TDM thu hồi toàn bộ diện tích đất đã cấp cho vợ chồng bà L, để cấp cho vợ chồng ông D là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và bác yêu cầu này là không đúng để hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của ông D, bà Y là không đúng; bởi ông D, bà Y khởi kiện yêu cầu buộc UBND thị xã (nay là thành phố) TDM thu hồi diện tích đất đã cấp cho bà L để trả cho ông, bà là

khởi kiện yêu cầu UBND có thẩm quyền thực hiện hành vi hành chính, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng pháp luật.

[9] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không xác định và đưa Giám đốc Sở xây dựng tỉnh Bình Dương, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương và UBND tỉnh Bình Dương vào tham gia tố tụng trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 266, khoản 3 Điều 272 và khoản 2 Điều 274 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 30/2021/KN-HC ngày 06/8/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 481/2018/HC-PT ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 481/2018/HC-PT ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 13/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương (02 bản kèm HSVA);
- VKSND tỉnh Bình Dương
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Vụ GDKTIII (3b), VP (TANDTC), Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Quốc Hưng
(đã ký)**